

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Đề 1****Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

“Tôi vốn là một tảng đá khổng lồ trên núi cao, trải qua bao năm tháng dài đằng đẵng bị mặt trời nung đốt, người tôi đầy vết nứt. Tôi vỡ vụn ra và lăn lóc xuống núi, mưa bão và nước lũ cuốn tôi vào sông suối. Do liên tục bị va đập, lăn lộn, tôi bị thương đầy mình. Nhưng rồi chính những dòng nước lại làm lành những vết thương của tôi. Và tôi trở thành một hòn sỏi láng mịn như bây giờ.”

(Theo <https://tuoitre.vn/>, ngày 2/7/2004)

Câu 1 (1,5 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án đúng của mỗi câu hỏi sau:

1. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Không xác định được ngôi kể

2. Nhân vật “tôi” ban đầu vốn là gì?

- A. Hạt cát
- B. Hòn sỏi
- C. Hòn đất
- D. Tầng đá không lồ

3. Từ nào sau đây là từ láy?

- A. vỡ vụn
- B. lăn lóc
- C. sông suối
- D. lăn lộn

4. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng để xây dựng nhân vật trong văn bản trên?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Nhân hóa
- D. Hoán dụ

Câu 2 (0,5 điểm): Theo em, *mặt trời nung đốt, những va đập, lăn lộn* tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống con người?

Câu 3 (0,5 điểm): Từ một “tảng đá khổng lồ” ban đầu đến “hòn sỏi láng mịn” phản ánh điều gì?

Câu 4 (1 điểm): Nêu một bài học em rút ra được sau khi đọc văn bản trên.

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Thiên nhiên luôn thay đổi, luân chuyển qua các mùa xuân – hạ – thu – đông. Em hãy viết một đoạn văn về cảm xúc lúc giao mùa. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai cụm từ làm thành phần câu.

Câu 2 (5 điểm): Cảm nghĩ của em về bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên, SGK Cánh diều, tập 1, trang 37)

Đáp án đề 1**Phần I:****Câu 1 (0,5 điểm):**

1. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Không xác định được ngôi kể

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn văn, chú ý lời kể, xưng hô của nhân vật

Lời giải chi tiết:

Văn bản trên được kể theo ngôi thứ nhất

=> Đáp án: A

2. Nhân vật “tôi” ban đầu vốn là gì?

A. Hạt cát

B. Hòn sỏi

C. Hòn đất

D. Tảng đá không lồ

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn văn, chú ý câu mở đầu

Lời giải chi tiết:

Nhân vật “tôi” ban đầu vốn là tảng đá khổng lồ

=> Đáp án: D

3. Từ nào sau đây là từ láy?

- A. vỡ vụn
- B. lăn lóc
- C. sông suối
- D. lăn lộn

Phương pháp giải:

Nhớ lại kiến thức về từ láy

Lời giải chi tiết:

Từ “lăn lóc” là từ láy

=> Đáp án: B

4. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng để xây dựng nhân vật trong văn bản trên?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn văn và xác định biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ được sử dụng để xây dựng nhân vật trong văn bản trên

=> Đáp án: B

Câu 2 (0,5 điểm):

Theo em, *mặt trời nung đốt, những va đập, lăn lộn* tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống con người?

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Mặt trời nung đốt, những va đập, lăn lộn tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, trải nghiệm... trong cuộc sống con người

Câu 3 (0,5 điểm):

Từ một “tảng đá khổng lồ” ban đầu đến “hòn sỏi láng mịn” phản ánh điều gì?

Phương pháp giải:

Dựa vào ngữ cảnh và nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Từ một “tảng đá không lồ” ban đầu đến “hòn sỏi láng mịn” phản ánh quá trình hoàn thiện, trưởng thành của bản thân con người

Câu 4 (1 điểm):

Nêu một bài học em rút ra được sau khi đọc văn bản trên.

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

- Con người để trưởng thành cần trải qua quá trình tôi luyện lâu dài, qua những khó khăn, thử thách
- Những khó khăn, thử thách chính là quá trình giúp con người hoàn thiện, trưởng thành
- Trong cuộc đời không tránh khỏi những khó khăn, thử thách, cần luôn giữ vững sự tự tin, tinh thần lạc quan

Phần II (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Thiên nhiên luôn thay đổi, luân chuyển qua các mùa xuân – hạ – thu – đông. Em hãy viết một đoạn văn về cảm xúc lúc giao mùa. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai cụm từ làm thành phần câu.

Phương pháp giải:

Xác định nội dung: cảm xúc lúc giao mùa

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:**Đoạn tham khảo:**

Như một quy luật tuần hoàn của tạo hóa, mùa thu đã lại sang. Lớp sương đầu mùa thu đang chùng chình giăng mắc khắp nơi. Làn gió nhẹ mang theo hơi nước lành lạnh là tín hiệu rõ nhất cho thấy mùa thu đã về. Không tràn trề sức sống như lúc vào xuân, cũng không sôi động, náo nhiệt như những ngày đầu hạ và chẳng lạnh lùng thu mình lại suy tư giống những ngày chớm đông, mùa thu đã sang mang một vẻ đẹp riêng biệt. Trong khoảnh khắc trong đời sống con người cũng có những biến chuyển nhẹ nhàng mà tinh tế. Và ngay cả trong đời sống con người cũng có những chuyển biến tinh vi. Em thích thời khắc giao mùa này bởi nó để lại chúng em niềm háo hức tới trường, được học tập vui chơi, để lại trong mắt em và bạn là niềm vui được gặp lại nhau sau một mùa hè nghỉ ngơi đầy thú vị, để lại trong mắt mỗi chúng ta những xúc cảm diệu kỳ và tinh tế về thiên nhiên.

Cụm từ làm thành phần câu:

- Cụm danh từ làm chủ ngữ: *Lớp sương đầu mùa thu*
- Cụm động từ làm vị ngữ: *đang chùng chình giăng mắc khắp nơi*

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nghĩ của em về bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên, SGK Cánh diều, tập 1, trang 37)

Phương pháp giải:

Nêu cảm nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo:

1. Mở bài: Giới thiệu và nêu vấn đề

Tình mẫu tử luôn là tình cảm thiêng liêng nhất, mà từ những ngày ấu thơ, khi chúng ta còn chưa biết đến tình thương là gì, chúng ta đã cảm nhận được tình cảm của mẹ qua những câu hát lời ru. *À ơi tay mẹ* là bài thơ nhẹ nhàng thể hiện tình mẫu tử đó

2. Thân bài: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật bài thơ

- Mở đầu bài thơ là hình ảnh người mẹ với những phép nhiệm màu. Tác giả dùng “bàn tay mẹ” để chỉ người mẹ. Người mẹ có thể chắn mưa sa, có thể chặn bão giông để che chở và bảo vệ cho đứa con.

Bàn tay mẹ chắn mưa sa

Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng

- Âm thanh hát ru à ơi của người mẹ:

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng

À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon

À ơi này cái trăng tròn

À ơi này cái trăng còn nằm nôi

Bàn tay mẹ thức một đời

À ơi này cái mặt trời bé con

Mai sau bé cạn non mòn

À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru

=> Những lời hát ru yêu thương nhẹ nhàng ru cái “vàng trăng” đi vào giấc ngủ và những giấc mơ thần tiên. Người mẹ yêu thương gọi con mình là “vàng trăng” và “mặt trời bé con”. Ta có thể cảm nhận được tình cảm của người mẹ, nâng niu và xem đứa con như vàng trăng tròn trịa, trong sáng, như mặt trời tỏa sáng và ấm áp đến cho cuộc đời mẹ.

- Tình yêu thương của mẹ dành cho con là mãi mãi, cho dù “biển cạn non mòn”, những lời hát ru của mẹ vẫn theo con trên từng bước chân cuộc đời. Những thứ vốn trường tồn cùng với thiên nhiên, nay đã “mềm lòng”, đã “tan chảy” trước lời ru ngọt ngào của tình mẫu tử.

“Ru cho cái khuyết tròn đầy

Cải thương cái nhớ nặng ngày xa nhau”

- Bàn tay mẹ vốn rất bình thường, thậm chí còn nhăn đi theo năm tháng. Nhưng chính bàn tay ấy đã làm nên phép nhiệm màu, không những là ru con vào giấc ngủ yên lành mà còn nâng niu con trên từng bước đường đời. Bàn tay ấy chặt

chịu và chịu bao nhiêu dãi dầu sương gió mới có thể tạo ra phép màu cho cuộc đời của con.

“Bàn tay mang phép nhiệm màu

Chắt chiu từ những dãi dầu đầy thôi”

- Bàn tay ấy “ru cho sóng lặng bãi bồi” cho mưa không còn dột chỗ ngoại ngòi khô áo, ru cho cuộc đời con không còn những đau đớn, những cực khổ mà người mẹ đã phải chịu. Nhưng “À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình”. Mẹ vất vả cả đời, lo toan cho con, lo toan cho giấc ngủ của gia đình, nhưng có lẽ, chưa một lần mẹ dám ru mình vào giấc ngủ. Trong con người mẹ, lúc nào cũng đầy ắp những suy nghĩ, không phút nào an yên.

- Về nghệ thuật, bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật:

+ Điệp ngữ: “bàn tay”, “à ơi này cái”, “ru cho”.

+ Biện pháp nhân hóa.

+ Biện pháp ẩn dụ bàn tay - mẹ.

=> Từ ngữ trong bài thơ nhẹ nhàng, như lời hát ru, từ ngữ giàu tính tượng hình, tượng thanh khiến bài thơ mang âm điệu nhẹ nhàng tựa lời hát ru, giàu hình ảnh, mang tính biểu tượng cao, thể hiện tình cảm chứa chan, thấm thiết mẹ con.

3. Kết bài: Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật.

- Thể thơ lục bát nhẹ nhàng và cách lặp đi lặp lại từ à ơi, bài thơ như âm điệu của một bài hát ru của mẹ ru con vào giấc ngủ an lành.

- Bài thơ còn là tình mẫu tử thiêng liêng của mẹ dành cho “mặt trời bé con”.
Giúp chúng ta cũng phần nào hiểu được nỗi vất vả và khó khăn mẹ đã phải trải qua để cho con một cuộc sống tốt đẹp

Đề 2

Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

“...Con còn nợ mẹ, nợ mẹ những luống rau

Thuở ngày xưa con còn trồng dang dở

Con nợ mẹ cả những bát cơm, tô phở

Đắp no lòng cho mẹ mỗi sớm mai.

Con cũng nợ mẹ cả những điều sai

Con đã làm mà không nghe lời mẹ

Con nợ mẹ cả một thời tuổi trẻ

Nợ cả cái hình hài đẹp để hôm nay

Con nợ mẹ giọt nước mắt mỗi ngày

Đã rơi xuống để đời con bớt khổ

Nợ mẹ nếp nhăn, trưa hè nắng đỏ

Nợ mái tóc phai màu, vết nứt nẻ bàn chân”

(Con nợ mẹ, Đặng Hải)

Câu 1 (1 điểm): Khoanh tròn vào đáp án đúng trong các câu hỏi sau:

1. Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ gì?

A. Lục bát

B. Bốn chữ

C. Năm chữ

D. Tự do

2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

A. Tình cảm gia đình

B. Tình yêu quê hương đất nước

C. Tình yêu thiên nhiên

D. Tình mẫu tử

3. Biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong đoạn thơ trên là:

A. Điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ

B. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ

C. Liệt kê, nói giảm nói tránh

D. Liệt kê, nói quá

4. Tình cảm nổi bật nhất của tác giả trong đoạn thơ là gì?

A. Biết ơn mẹ

B. Thương mẹ

C. Con nợ mẹ

D. Kính trọng mẹ

Câu 2 (0.5 điểm): Người con trong đoạn thơ cảm thấy mình nợ mẹ những gì?

Câu 3 (0.5 điểm): Hai câu thơ sau đã sử dụng biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?

Con nợ mẹ giọt nước mắt mỗi ngày

Đã rơi xuống để đòi con bớt khổ

Câu 4 (1 điểm): Thông điệp của đoạn thơ muốn gửi tới chúng ta là gì?

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta.

Câu 2 (5 điểm): Kể lại bằng lời văn của em câu chuyện *Thánh Gióng*.

Đáp án đề 2**Phần I:****Câu 1:**

1. Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ gì?

A. Lục bát

B. Bốn chữ

C. Năm chữ

D. Tự do

Phương pháp giải:

Chú ý số dòng, số tiếng trong đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ tự do

=> Đáp án: D

2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

A. Tình cảm gia đình

B. Tình yêu quê hương đất nước

C. Tình yêu thiên nhiên

D. Tình mẫu tử

Phương pháp giải:

Từ nội dung đoạn thơ rút ra chủ đề

Lời giải chi tiết:

Chủ đề của đoạn thơ viết về tình mẫu tử

=> Đáp án: D

3. Biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong đoạn thơ trên là;

- A. Điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ
- B. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ
- C. Liệt kê, nói giảm nói tránh
- D. Liệt kê, nói quá

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

Biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong đoạn thơ trên là: điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ

=> Đáp án: A

4. Tình cảm nổi bật nhất của tác giả trong đoạn thơ là gì?

- A. Biết ơn mẹ

B. Thương mẹ

C. Con nợ mẹ

D. Kính trọng mẹ

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn thơ rút ra tình cảm của tác giả

Lời giải chi tiết:

Tình cảm nổi bật nhất của tác giả trong đoạn thơ là: con biết ơn mẹ

=> Đáp án: C

Câu 2:

Người con trong đoạn thơ cảm thấy mình nợ mẹ những gì?

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

Người con trong đoạn thơ cảm thấy mình nợ mẹ: nợ luống rau, bát cơm, tô phở, những điều sai, nợ thời tuổi trẻ, nợ hình hài, nợ giọt nước mắt, nếp nhăn, mái tóc phai màu, bàn chân nứt nẻ

Câu 3:

Hai câu thơ sau đã sử dụng biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?

Con nọ mẹ giọt nước mắt mỗi ngày

Đã rơi xuống để đời con bớt khổ

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, xác định biện pháp tu từ được sử dụng

Lời giải chi tiết:

Câu thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ: hình ảnh *giọt nước mắt* biểu tượng cho tình yêu thương, sự tàn tạ hy sinh của mẹ dành cho con để cuộc sống của con bớt khổ cực.

Câu 4:

Thông điệp của đoạn thơ muốn gửi tới chúng ta là gì?

Phương pháp giải:

Từ nội dung bài thơ rút ra thông điệp

Lời giải chi tiết:

Một thông điệp đoạn thơ tuy nhẹ nhàng nhưng thấm thía, ai trong chúng ta đều cảm thấy thương cha mẹ vô cùng. Những ai còn mẹ, những ai còn cha, những ai còn cả cha lẫn mẹ xin hãy trân trọng những gì mình đang có, xin đừng làm đau lòng các đấng sinh thành dù chỉ là một điều gì đó rất nhỏ. Hãy nhớ là hai từ thiêng liêng “cha, mẹ” không phải ai cũng may mắn được thốt lên. Trong thăm sâu trong tâm hồn ta, ơn cha nghĩa mẹ không ai có thể phủ nhận. Công ơn này không thể nào chúng ta có thể đền đáp hết, không thể nào chúng ta hiểu được cha mẹ đã thương ta đến mức độ nào.

Phần II:

Câu 1:

Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta.

Phương pháp giải:

Đảm bảo thể thức của đoạn văn

Xác định đúng nội dung đoạn văn

Lời giải chi tiết:**Bài văn tham khảo:**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta không những là một truyền thống quý báu mà còn là một sức mạnh vô cùng to lớn, sức mạnh đó được thể hiện rất rõ khi Tổ quốc lâm nguy – khó khăn. Sức mạnh đó chính là sự đoàn kết, đồng lòng của toàn thể nhân dân. Từ Bà Trưng Bà Triệu đến Quang Trung – Nguyễn Huệ, và gần nhất là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Tinh thần yêu nước ấy lan truyền và được nhân dân ta tiếp nhận cho đến ngày hôm nay. Bao người dân Việt Nam vẫn giữ vững những truyền thống đạo lí uống nước nhớ nguồn. Tinh thần yêu nước theo dòng chảy lịch sử, mãi mãi len lỏi vào sâu thẳm tâm hồn những người Việt. Dù thời chiến cũng như thời bình, tinh thần yêu nước vẫn như ngọn đuốc sáng ngời soi rọi mọi nẻo đường cho dân tộc Việt Nam.

Câu 2:

Kể lại bằng lời văn của em câu chuyện *Thánh Gióng*.

Phương pháp giải:

Nhớ lại nội dung, cốt truyện *Thánh Gióng* và kể lại văn bản

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo:

1. Mở bài: Dẫn dắt vào câu chuyện

2. Thân bài

a. Gốc tích lạ lùng của Thánh Gióng

- Thời gian và không gian xảy ra câu chuyện: Đồi Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng.
- Hai ông bà đã già, ăn ở phúc hậu nhưng vẫn chưa có con
- Bà lão giẫm lên một dấu chân khổng lồ, về nhà thụ thai
- Mười hai tháng sau bà sinh một đứa con trai
- Khi ba tuổi chú bé vẫn chưa biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi

b. Thánh Gióng nói được và lớn nhanh như thổi

- Giặc Ân xâm lược, thế giặc mạnh, vua cho sứ giả đi tìm người tài
- Chú bé bỗng nhiên nói được, nhờ mẹ mời sứ giả. Nói với sứ giả đúc ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt
- Chú bé lớn nhanh như thổi, ăn không đủ no. Dân làng góp thóc gạo nuôi chú

c. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời

- Giặc đến chân núi Trâu. Sứ giả mang ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến
- Chú bé vươn vai thành tráng sĩ không lồ, vồ vào móng ngựa, ngựa hí vang. Tráng sĩ mặc giáp, cầm roi, cưỡi ngựa ra trận
- Ngựa xông vào giặc; tráng sĩ cầm roi đánh giặc, ngựa sắt phun lửa thiêu giặc. Giặc chết như rạ
- Roi sắt gãy, tráng sĩ nhổ tre đánh giặc
- Đuổi giặc đến chân núi Sóc, tráng sĩ lên núi, cởi áo để lại cùng ngựa bay lên trời
- Vua phong tráng sĩ là Phù Đổng Thiên Vương, lập đền thờ

3. Kết bài

- Hiện nay ở làng Phù Đổng vẫn còn đền thờ Thánh Gióng, những bụi tre đằng ngà, những hồ ao liên tiếp lưu giữ dấu chân ngựa của Thánh Gióng đi qua
- Suy nghĩ của em về công lao của anh hùng Gióng cũng như ông cha trong việc dựng nước và giữ nước
- Nhận thức và hành động của bản thân để giữ gìn và phát huy những truyền thống quý báu trên

Đề 3**Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Mùa thu, bầu trời rực rỡ một màu xanh như ngọc, cánh đồng lúa đương thì đang ngả sang màu hung hung, rồi màu vàng rực. Một mùa gặt bội thu đang về với làng quê. Con đường đất trải dài những sợi rom vàng óng như tơ, những khoảng sân gạch vuông vẫn đã đầy ắp những thóc mới vàng như kén. Mùi rom mới nồng nồng, ngai ngái theo vào cả trong giấc ngủ, hiện hữu trong giấc mơ tôi suốt thời thơ ấu. Nhớ làm sao những buổi sáng tinh sương trở dậy, đón bát xôi nếp thơm phức, còn bốc hơi nghi ngút từ bày tay mẹ, cả nhà quây quần bên ngọn đèn dầu thật ấm cúng biết bao. Phải chăng đó là những khoảnh khắc vô giá của mỗi con người khắc sâu vào miền kí ức để ta nhớ mãi không quên, cho dù cuộc sống đưa đẩy đến những chân trời góc bể nào...”

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn văn trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản tự sự, miêu tả
- B. Văn bản miêu tả, biểu cảm
- C. Văn bản nghị luận, miêu tả
- D. Văn bản thông tin

Câu 2 (0.5 điểm): Tìm từ chỉ không phải chỉ màu sắc mà tác giả sử dụng để tả cảnh mùa thu ở làng quê

- A. Màu xanh như ngọc
- B. Màu hung hung

C. Màu vàng rực

D. Nồng nồng, ngai ngái

Câu 3 (0.5 điểm): Những cảnh vật nào được tác giả nhắc tới?

A. Bầu trời, cánh đồng, con đường

B. Bầu trời, cánh đồng, dòng sông

C. Bầu trời, con đường, trường học

D. Bầu trời, cánh đồng, bờ đê

Câu 4 (0.5 điểm): Đoạn văn ghi lại cảnh vật và cảm xúc vào thời gian nào?

A. Mùa xuân

B. Mùa đông

C. Mùa hạ

D. Mùa thu

Câu 5 (0.5 điểm): Từ “hiện hữu” có nghĩa là gì?

A. Đang có, đang tồn tại

B. Đang hiện lên

C. Đã có, đã tồn tại

D. Chưa có, chưa tồn tại

Câu 6 (0.5 điểm): Cụm từ “những sợi rom vàng óng như tơ” là cụm từ gì?

A. Cụm động từ

B. Cụm danh từ

C. Cụm tính từ

D. Cụm trợ từ

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trong đoạn thơ trên, tình cảm mà tác giả dành cho miền quê của mình được thể hiện như thế nào?

Câu 2 (5 điểm): Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích

Đáp án đề 3**Phần I:****Câu 1:**

Đoạn văn trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản tự sự, miêu tả
- B. Văn bản miêu tả, biểu cảm
- C. Văn bản nghị luận, miêu tả
- D. Văn bản thông tin

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn trên mang đặc trưng của kiểu văn bản miêu tả, biểu cảm

=> Đáp án: B

Câu 2:

Tìm từ không phải chỉ màu sắc mà tác giả sử dụng để tả cảnh mùa thu ở làng quê

- A. Màu xanh như ngọc
- B. Màu hung hung
- C. Màu vàng rục

D. Nồng nòng, ngai ngái

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích và xác định từ không phải chỉ màu sắc mà để tả cảnh mùa thu

Lời giải chi tiết:

Từ không chỉ màu sắc mà để tả cảnh mùa thu là nồng nòng, ngai ngái

=> Đáp án: D

Câu 3:

Những cảnh vật nào được tác giả nhắc tới?

- A. Bầu trời, cánh đồng, con đường
- B. Bầu trời, cánh đồng, dòng sông
- C. Bầu trời, con đường, trường học
- D. Bầu trời, cánh đồng, bờ đê

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Những cảnh vật được tác giả nhắc tới là: bầu trời, cánh đồng, con đường

=> Đáp án: A

Câu 4:

Đoạn văn ghi lại cảnh vật và cảm xúc vào thời gian nào?

- A. Mùa xuân
- B. Mùa đông
- C. Mùa hạ
- D. Mùa thu

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn ghi lại cảnh vật và cảm xúc vào thời gian mùa thu

=> Đáp án: D

Câu 5:

Từ “hiện hữu” có nghĩa là gì?

- A. Đang có, đang tồn tại
- B. Đang hiện lên
- C. Đã có, đã tồn tại
- D. Chưa có, chưa tồn tại

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Từ “hiện hữu” có nghĩa là đang có, đang tồn tại

=> Đáp án: A

Câu 6:

Cụm từ “những sợi rom vàng óng như tơ” là cụm từ gì?

A. Cụm động từ

B. Cụm danh từ

C. Cụm tính từ

D. Cụm trợ từ

Phương pháp giải:

Nhớ lại kiến thức các loại từ

Lời giải chi tiết:

Cụm từ “những sợi rom vàng óng như tơ” là cụm danh từ

=> Đáp án: B

Phần II:**Câu 1:**

Trong đoạn thơ trên, tình cảm mà tác giả dành cho miền quê của mình được thể hiện như thế nào?

Phương pháp giải:

Lời giải chi tiết:

Trong đoạn thơ trên, tình cảm mà tác giả dành cho miền quê của mình được thể hiện qua nỗi nhớ những hương vị và kỉ niệm đã từng gắn bó nơi quê hương

Câu 2:

Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích

Phương pháp giải:

Nhớ lại những câu chuyện lịch sử hoặc nhân vật lịch sử mà em yêu thích và kể lại

Lời giải chi tiết:**Bài tham khảo:**

Nguyễn Trãi là một nhân vật kiệt xuất, là một trong những danh nhân văn hóa thế giới. Ông đại diện cho khí phách và tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và các tác phẩm của ông là những bài ca yêu nước. Ông là một người đa tài, là một nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao thiên tài.

Nguyễn Trãi (1380–1442), hiệuỨc Trai. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Cha ông - Nguyễn Phi Khanh - là một học trò nghèo đỗ Thái học sinh. Mẹ ông là bà Trần Thị Thái, con gái quan Tư Đồ Trần Nguyên Đán. Nguyễn Trãi là người làng Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương nhưng được sinh ra ở Thăng Long trong dinh ông ngoại, về sau dời về sống ở làng Ngọc Ôi, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Vào năm 1400, sau khi Hồ Quý Ly lên ngôi vua, ông cho mở khoa thi chiêu mộ người tài. Nguyễn Trãi tham gia và đỗ Thái học sinh (tiến sĩ) năm 20 tuổi.

Nguyễn Trãi được Hồ Quý Ly tin tưởng cử ông giữ chức Ngự sử đài chánh chương. Còn cha ông là Nguyễn Phi Khanh đỗ bảng nhãn năm 1374, được cử giữ chức Đại lý tự khanh Thị lang tòa trung thư kiêm Hàn lâm Viện học sĩ tu nghiệp Quốc Tử Giám.

Năm 1406, quân Minh tràn sang xâm lược nước ta. Nhà Hồ đem quân ra chống cự, nhưng thua cuộc. Cha con Hồ Quý Ly và một số triều thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh bị bắt và bị bắt sang Trung Quốc. Nguyễn Trãi nghe lời cha tìm con đường đánh giặc, cứu nước.

Ông trao cho Lê Lợi bản mưu lược đánh đuổi quân Minh - Bình Ngô sách "hiển mưu trước lớn không nói đến việc đánh thành, mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người". Từ đây, ông giữ Nguyễn Trãi gần bên mình để cùng bàn mưu tính kế đánh chống quân Minh xâm lược.

Chủ trương đánh giặc của Nguyễn Trãi là phải dựa vào dân thì mới đánh được giặc, cứu được nước. Khi kháng chiến giành thắng lợi, ông cũng thấy rằng phải lo cho nhân dân, thì mới xây dựng được đất nước: "Chí những muốn, việc cố nhân đã muốn: để tâm dân chúng, mình lo trước điều thiên hạ phải lo". Nguyễn Trãi là người luôn "lo trước điều thiên hạ phải lo, vui sau cái vui của thiên hạ", lúc nào cũng sống giản dị, cần kiệm, liêm chính. Nhà của ông ở Đông Kinh (Thăng Long ngày nay) chỉ đơn sơ một túp lều tranh. Ngôi nhà của ông ở Côn Sơn cũng "bốn mặt trống trải, xác xơ chỉ có sách là giàu thôi" (thơ Nguyễn Mộng Tuân).

Năm 1442, vụ án "Lê chi viên" đột ngột giáng xuống hãm hại ông. Ông và gia đình phải chịu cảnh tru di tam tộc bi thảm nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Mãi đến năm 1464, vua Lê Thánh Tông mới minh oan cho Nguyễn Trãi, truy tặng quan tước rồi tìm con cháu còn sót lại và bổ nhiệm làm quan.

Bình ngô đại cáo "là áng" thiên cổ hùng văn tổng kết cuộc kháng chiến mười năm chống quân Minh và kết thúc thắng lợi... Về sử lược có "Lam Sơn thực lục" là cuốn sử về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, "Dư địa chí" là tập viết về địa lý nước ta lúc bấy giờ. Nguyễn Trãi còn có "Ức trai thi tập", "Quốc Âm thi tập" đóng góp vào nền văn chương của nước ta. Nguyễn Trãi đã có công lao to lớn đối với nền văn học nước ta. "Quốc Âm thi tập" được viết bằng chữ Nôm, là bước chuyển mình cho sự hình thành của nền thơ ca Tiếng Việt. Nguyễn Trãi là người đứng đầu trong sự nghiệp khơi màu dòng thơ Nôm trong hàng nghìn, hàng vạn văn chương chữ Hán dày đặc đương thời.

Thơ văn của ông thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa, tình yêu thiên nhiên và yêu nước, thương dân. Triết lý trong thơ văn Nguyễn Trãi là triết lý thế sự sâu sắc mà giản dị, những trải nghiệm đau đớn về cuộc đời. Độc giả còn có thể cảm nhận được trong thơ văn của ông một tình yêu thiên nhiên tha thiết. Đối với ông thiên nhiên là bạn hữu, đó cũng là lý do ông lui về ở ẩn khi triều đình loạn lạc tại Côn Sơn và sáng tác nên bài thơ Côn Sơn ca.

Thơ văn Nguyễn Trãi là một ngôi sao chói lọi trong nền văn học dân tộc, ông là nhà văn có nhiều cống hiến to lớn cho cả văn học và chính trị. Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi vừa trữ tình, trí tuệ, vừa hào hùng, lãng mạn. Về thơ Nôm, Nguyễn Trãi để lại tập thơ xưa nhất và nhiều bài nhất. Đó là những bài thơ giàu trí tuệ, sâu sắc, thấm đẫm trải nghiệm về người về đời. Có thể nói Nguyễn Trãi là một nhân vật tài đức trí dũng song toàn của Việt Nam thời bấy giờ.

Nguyễn Trãi là một nhân vật vĩ đại, là danh nhân văn hóa thế giới. Ông chẳng những góp phần tạo nên các trang hào hùng trong lịch sử nước nhà còn góp phần xây đắp nền móng vững chãi cho văn học. Nguyễn Trãi đề cao tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, gắn bó thiết tha với thiên nhiên đất nước, thể hiện tình yêu ngôn từ Việt nồng thắm. Tâm hồn và sự nghiệp của ông mãi mãi sáng ngời như Lê Thánh Tông truy tặng "Ức Trai tâm thượng quang Khuê Tảo".

Thời gian có thể làm lu mờ tất cả, nhưng ánh sao khuê ấy vẫn sẽ mãi soi sáng đến các thế hệ mai sau. Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi sẽ mãi là niềm tự hào của người dân Việt Nam.

Đề 4

Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NHỮNG ĐIỀU BỐ YÊU

Ngày con khóc tiếng chào đời

Bố thành vụng dại trước lời hát ru

Cứ “À ơi, gió mùa thu”

"Con ong làm mật", "Mù u! bướm vàng"...

Sau yêu cái chỗ con nằm

Thơm mùi sữa với chiếu thâm mấy quàng

Yêu sao ngang dọc, dọc ngang

Những hàng tã chéo mẹ giăng đầy nhà.

Thêm yêu dịu dịu nước hoa

Khi con muỗi đốt, bà xoa nhẹ nhàng

Và yêu một góc mặt bàn

Mèo con, chút chút xếp hàng đợi chơi.

Yêu ngày con gọi “Mẹ ơi”

Bước đi chập chững, mặt trời nhòm coi

Bao ngày, bao tháng dần trôi

Khắp nhà đầy ắp tiếng cười của con.

Để khi con vắng một hôm

Bố ngỡ ngần nhớ, quên cơm bữa chiều.

Con ơi có biết bao điều

Sinh cùng con để bố yêu một đời.

(NGUYỄN CHÍ THUẬT,

Báo Giáo dục và Thời đại Chủ nhật, số 35, 1999)

Câu 1. Bài thơ “Những điều bố yêu” được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ lục bát
- C. Thể thơ năm chữ
- D. Thể thơ bốn chữ

Câu 2. Cách ngắt nhịp nào thể hiện đúng nghĩa của khổ thơ?

- A. Ngày con khóc tiếng chào đời /
Bố thành vụng dại / trước lời hát ru
Cứ "À ơi, / gió mùa thu"
"Con ong làm mật", / "Mù u bướm vàng"...

B. Ngày con / khóc tiếng / chào đời

Bố thành / vụng dại / trước lời / hát ru

Cứ “À /oi, gió / mùa thu”

“Con ong /làm mật”, / “Mù u /bướm vàng”...

C. Ngày con / khóc tiếng chào đời

Bố thành / vụng dại trước lời hát ru

Cứ "À /oi, gió mùa thu”

“Con ong làm mật, / “Mù u bướm vàng”...

D. Ngày con khóc tiếng / chào đời

Bố thành vụng dại trước lời / hát ru

Cứ “À oi, gió mùa thu” /

“Con ong làm mật, / “Mù u bướm vàng”...

Câu 3. Điệp từ nào được sử dụng trong bài thơ để thể hiện trực tiếp tình cảm mà tác giả muốn bộc lộ?

A. Con

B. Bao

C. Bố

D. Yêu

Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong dòng thơ “Khấp nhà đầy ắp tiếng cười của con”?

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Ẩn dụ
- D. Liệt kê

Câu 5. Hai dòng thơ nào nói được tất cả những điều mà người bố yêu?

A. Ngày con khóc tiếng chào đời

Bố thành vụng dại trước lời hát ru.

B. Và yêu một góc mặt bàn

Mèo con, chút chút xếp hàng đợi chơi.

C. Yêu ngày con gọi “Mẹ ơi”

Bước đi chập chững, mặt trời nhòm coi.

D. Con ơi có biết bao điều

Sinh cùng con để bố yêu một đời.

Câu 6. Bài thơ “Những điều bố yêu” có điểm gì khác với bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên) và “Về thăm mẹ” (Đình Nam Khuông)?

- A. Viết về tình cảm gia đình
- B. Viết theo thể thơ lục bát

C. Diễn tả tâm trạng của người cha

D. Thể hiện tình cảm sâu nặng

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Tự lập là một đức tính tốt. Em đã làm gì để thể hiện mình là người tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hàng ngày. Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

Câu 2 (5 điểm): Khi Thánh Gióng ra trận, mẹ đã đến bên ngựa sắt để tiễn đưa chàng. Hãy viết bài văn kể lại cuộc chia tay xúc động ấy.

Đáp án đề 4**Phần I:****Câu 1:**

Bài thơ “Những điều bố yêu” được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ lục bát
- C. Thể thơ năm chữ
- D. Thể thơ bốn chữ

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc trưng thể loại, chú ý số tiếng trong một dòng

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 2:

Cách ngắt nhịp nào thể hiện đúng nghĩa của khổ thơ?

A. Ngày con khóc tiếng chào đời /

Bố thành vụng dại / trước lời hát ru

Cứ "À ơi, / gió mùa thu"

"Con ong làm mật", / "Mù u bướm vàng"...

B. Ngày con / khóc tiếng / chào đời

Bố thành / vụng dại / trước lời / hát ru

Cứ “À /oi, gió / mùa thu”

“Con ong /làm mật”, / “Mù u /bướm vàng”...

C. Ngày con / khóc tiếng chào đời

Bố thành / vụng dại trước lời hát ru

Cứ "À /oi, gió mùa thu”

“Con ong làm mật, / “Mù u bướm vàng”...

D. Ngày con khóc tiếng / chào đời

Bố thành vụng dại trước lời / hát ru

Cứ “À oi, gió mùa thu” /

“Con ong làm mật, / “Mù u bướm vàng”...

Phương pháp giải:

Đọc ngắt theo nhịp và xác định

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 3:

Điệp từ nào được sử dụng trong bài thơ để thể hiện trực tiếp tình cảm mà tác giả muốn bộc lộ?

- A. Con
- B. Bao
- C. Bó
- D. Yêu

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ và xác định

Lời giải chi tiết:

Điệp từ “yêu” được sử dụng trong bài thơ để thể hiện trực tiếp tình cảm mà tác giả muốn bộc lộ

=> Đáp án: D

Câu 4:

Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong dòng thơ “Khắp nhà đây ấp tiếng cười của con”?

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Ẩn dụ
- D. Liệt kê

Phương pháp giải:

Đọc và xác định biện pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ

=> Đáp án: C

Câu 5:

Hai dòng thơ nào nói được tất cả những điều mà người bố yêu?

A. Ngày con khóc tiếng chào đời

Bố thành vụng dại trước lời hát ru.

B. Và yêu một góc mặt bàn

Mèo con, chút chút xếp hàng đợi chơi.

C. Yêu ngày con gọi “Mẹ ơi”

Bước đi chập chững, mặt trời nhòm coi.

D. Con ơi có biết bao điều

Sinh cùng con để bố yêu một đời.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ nội dung từng câu thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 6:

Bài thơ “Những điều bố yêu” có điểm gì khác với bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên) và “Về thăm mẹ” (Đình Nam Khương)?

- A. Viết về tình cảm gia đình
- B. Viết theo thể thơ lục bát
- C. Diễn tả tâm trạng của người cha
- D. Thể hiện tình cảm sâu nặng

Phương pháp giải:

Từ nội dung hai văn bản rút ra điểm khác biệt

Lời giải chi tiết:

Bài thơ “Những điều bố yêu” có điểm gì khác với bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên) và “Về thăm mẹ” (Đình Nam Khương) khác ở chỗ bài thơ diễn tả tâm trạng của người cha

=> Đáp án: C

Phần II:

Câu 1:

Tự lập là một đức tính tốt. Em đã làm gì để thể hiện mình là người tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hàng ngày. Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của bản thân

Lời giải chi tiết:

- Xác định đúng vấn đề: Suy nghĩ về đức tính tự lập.
- Triển khai các ý như:
 - + Giới thiệu: Đức tính tự lập rất cần thiết trong cuộc sống.
 - + Biểu hiện của tự lập: Tự mình đi học; học và làm bài kiểm tra không quay cóp, sử dụng tài liệu, tự chuẩn bị đồ dùng học tập trước khi đến lớp,
 - + Hiện trạng ngày nay: Nhiều bạn thiếu tính tự lập, dựa dẫm, chờ đợi người khác,... cần phê phán.
 - + Bài học: Chăm chỉ rèn luyện bản thân, giúp đỡ mọi người xung quanh,...

Câu 2:

Khi Thánh Gióng ra trận, mẹ đã đến bên ngựa sắt để tiễn đưa chàng. Hãy viết bài văn kể lại cuộc chia tay xúc động ấy.

Phương pháp giải:

Nhớ lại sự kiện chính và kể lại bằng lời văn của mình

Lời giải chi tiết:**a. Hình thức:**

- Thể loại: Tự sự

- Ngôi kể: Thứ nhất hoặc thứ 3.
- Bố cục đầy đủ, mạch lạc.
- Diễn đạt rõ ràng, biết hình thành các đoạn văn hợp lí. Không mắc lỗi về câu.
- Rất ít lỗi chính tả. Ngôn ngữ trong sáng, có cảm xúc.

b. Nội dung:

- Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
- Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện từ mở đầu đến kết thúc.
 - + Đảm bảo đầy đủ các nhân vật và sự việc chính.
 - + Đảm bảo thứ tự trước sau của sự việc: Nguyên nhân dẫn đến cuộc chia tay, sự việc ngày chia tay, giây phút chia tay, kết thúc buổi chia tay,...
- Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu cảm nghĩ: xúc động, tự hào, biết ơn,...

Đề 5**Phần I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem kém thua bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy...

Câu 1: Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?

- A. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- B. Thánh Gióng
- C. Cây Khế
- D. Thạch Sanh

Câu 2: Văn bản trên thuộc thể loại văn học dân gian nào?

- A. Cổ tích
- B. Tục ngữ
- C. Truyền thuyết
- D. Ca dao

Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Miêu tả kết hợp biểu cảm

Câu 4: Trong đoạn văn trên có bao nhiêu từ mượn?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 5: Trong các từ sau từ nào là từ mượn?

A. Tục truyền

B. Vợ chồng

C. Mặt mũi

D. Lạm ăn

Câu 6. Nguồn gốc của từ mượn “thụ thai”?

A. Từ mượn Anh - Mỹ

B. Từ mượn Hán Việt

C. Từ mượn Pháp

D. Từ mượn Nga

Câu 7: Nội dung của đoạn trích trên là gì?

- A. Thánh Gióng lớn lên và đi đánh giặc.
- B. Thánh Gióng đánh thắng quân giặc và bay về trời.
- C. Thánh Gióng được nuôi lớn bởi sự đoàn kết của toàn dân
- D. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng.

Câu 8: Giải thích nghĩa của từ tục truyền”.

- A. Truyền đạt ý kiến nào đó.
- B. Tổ tiên trong gia đình truyền lại một nghề gì đó.
- C. Chỉ người có quyền hành
- D. Theo dân gian truyền lại.

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (6 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Theo em cái vượn vai thần kì của Thánh Gióng có ý nghĩa gì?

Câu 2 (5 điểm): Em hãy đóng vai một nhân vật mà yêu yêu thích trong truyện cổ tích Thạch Sanh để kể lại truyện Thạch Sanh.

Đáp án đề 5**Phần I:****Câu 1:**

Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?

- A. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- B. Thánh Gióng
- C. Cây Khế
- D. Thạch Sanh

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Đoạn trích trên được trích từ văn bản *Thánh Gióng*

=> Đáp án: B

Câu 2:

Văn bản trên thuộc thể loại văn học dân gian nào?

- A. Cổ tích
- B. Tục ngữ
- C. Truyền thuyết

D. Ca dao

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

Văn bản trên thuộc thể loại truyền thuyết

=> Đáp án: C

Câu 3:

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Miêu tả kết hợp biểu cảm

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, chú ý ngôn ngữ

Lời giải chi tiết:

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là tự sự

=> Đáp án: A

Câu 4:

Trong đoạn văn trên có bao nhiêu từ mượn?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức của từ mượn

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 5:

Trong các từ sau từ nào là từ mượn?

- A. Tục truyền
- B. Vợ chồng
- C. Mặt mũi
- D. Làm ăn

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức của từ mượn

Lời giải chi tiết:

Từ mượn là từ “tục truyền”

=> Đáp án: A

Câu 6:

Nguồn gốc của từ mượn “thụ thai”?

- A. Từ mượn Anh - Mỹ
- B. Từ mượn Hán Việt
- C. Từ mượn Pháp
- D. Từ mượn Nga

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức của từ mượn

Lời giải chi tiết:

Nguồn gốc của từ mượn “thụ thai” là từ mượn Hán Việt

=> Đáp án: B

Câu 7:

Nội dung của đoạn trích trên là gì?

- A. Thánh Gióng lớn lên và đi đánh giặc.
- B. Thánh Gióng đánh thắng quân giặc và bay về trời.
- C. Thánh Gióng được nuôi lớn bởi sự đoàn kết của toàn dân

D. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Đoạn trích kể về sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng

=> Đáp án: D

Câu 8:

Giải thích nghĩa của từ “tục truyền”.

- A. Truyền đạt ý kiến nào đó.
- B. Tổ tiên trong gia đình truyền lại một nghề gì đó.
- C. Chỉ người có quyền hành
- D. Theo dân gian truyền lại.

Phương pháp giải:

Dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa

Lời giải chi tiết:

Tục truyền nghĩa là theo dân gian truyền lại

=> Đáp án: D

Phần II:

Câu 1:

Theo em cái vượn vai thần kì của Thánh Gióng có ý nghĩa gì?

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Ý nghĩa:

+ Thể hiện quan niệm của dân gian về người anh hùng: không lò về thể xác, sức mạnh và chiến công.

+ Cho thấy sự trưởng thành vượt bậc về sức mạnh và tinh thần của dân tộc trước nạn ngoại xâm luôn đe dọa đất nước.

+ Hình ảnh Gióng mang hùng khí của cả dân tộc, là kết quả của tinh thần đoàn kết của nhân dân

+ Tạo nên sự hấp dẫn li kì cho truyện.

Câu 2:

Em hãy đóng vai một nhân vật mà yêu yêu thích trong truyện cổ tích Thạch Sanh để kể lại truyện Thạch Sanh.

Phương pháp giải:

Bài viết đảm bảo yêu cầu về hình thức, ngôi kể phù hợp, trình bày sạch đẹp

Lời giải chi tiết:

1. Mở bài: Đóng vai nhân vật để kể lại sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

2. Thân bài:

- Xuất thân của nhân vật.
- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.
- Diễn biến chính.
- + Cuộc gặp gỡ giữa Lý Thông và Thạch Sanh, hai người kết nghĩa huynh đệ.
- + Thạch Sanh giết trăn tinh bị Lý Thông cướp công.
- + Thạch Sanh cứu công chúa bị Lý Thông cướp công.
- + Thạch Sanh Cứu con vua thủy tề.
- + Thạch Sanh bị vu oan và phải ngồi tù
- + Thạch Sanh gảy đàn, công chúa nghe hiểu tiếng đàn, Thạch Sanh được minh oan.
- + Mẹ con Lý Thông phải trả giá bằng cái chết.
- + Thạch Sanh dẹp loạn quân 18 nước.
- + Thạch Sanh lên ngôi vua, sống vui vẻ hạnh phúc bên công chúa.
- Khi kẻ có sử dụng yếu tố tưởng tượng.

3. Kết bài:

- Kết thúc câu chuyện
- Rút ra bài học từ câu chuyện

Đề 6**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

THẦY CHU VĂN AN VÀ HỌC TRÒ THỦY THẦN

Ngày ấy, vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang Liệt tên là Chu Văn An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về kinh giao cho trông nom trường Quốc Tử Giám và dạy Thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về.

Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước!

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người Kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh, hàng ngày cơm đùm com gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lột thường luồng ở nước rồi lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ để dạng chằm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc di chợ huyện đến cầu Bua tình cờ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:

- Đúng là hai anh em nhà Gàn thấy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?

Cụ đồ gật gù đáp:

-Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!

Năm ấy, vùng Thanh Đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém.

Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:

-Thầy muốn các con thương đến dân một chút.

Hai anh em là bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:

-Các con bắt tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ.

Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:

- Dạ, nhưng hiểm vì sông hồ đều có lệnh “phong bế” cả thì lấy đâu ra nước bây giờ.

Ông cụ khản khoản:

- Các con nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:

- Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tắm thơm nhuần trong một vùng vậy.

Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy mực và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vớt cả nghiên lẫn bút xuống nước, cúi vái cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ, suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh Đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ nấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân trong vùng Thanh Đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng trong lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc Hoàng nổi giận sai một thiên thần đi bắt cho được thủ phạm tội. Và cả hai anh em đều không thoát được khỏi lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưới búa của thần Sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, dạt vào gậm cầu Bưu. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên trên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đầm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó

tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai anh em thường luồn sau đó người ta lập miếu thờ ngày nay còn có tên là miếu Gàn.

(Đông Chi, Truyện cổ Việt Nam chọn lọc, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội, tr.284-287).

Câu hỏi

Câu 1: Câu chuyện trên kể về?

- A. Nhân vật người anh hùng lịch sử.
- B. Biển cổ lịch sử trọng đại của dân tộc.
- C. Những nhân vật tôn giáo.
- D. Danh nhân văn hóa của dân tộc.

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là:

- A. Thầy Chu Văn An.
- B. Hai anh em con vua Thủy.
- C. Thầy Chu Văn An và hai anh em con vua Thủy.
- D. Thầy Chu Văn An và học trò.

Câu 3: Sự việc nào dưới đây không thuộc văn bản Thầy Chu Văn An và học trò Thủy thần?

- A. Nói với anh em chàng Gàn.
- B. Dạy thái tử học.

C. Phạt trò rất nghiêm.

D. Chông gậy trở về.

Câu 4: Câu nói: Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước chứng tỏ điều gì ở thầy Chu Văn An?

A. Là người thẳng thắn, không chấp nhận sự dối trá

B. Là người khảng khái, luôn lo nghĩ cho dân, cho nước

C. Chỉ ưa những người thật thà

D. Là người dám phản đối nhà vua

Câu 5: Sự việc sau đây giúp em hiểu như thế nào về người thầy Chu Văn An và người dân xưa trong đạo học? (1đ)

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò

Câu 6: Câu chuyện về hai anh em nhà Gàn đã thể hiện mong muốn nào của thầy Chu Văn An về học trò nói chung (trả lời từ 6-8 dòng) (1 đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Đọc văn bản và bức họa sau:

Xưa Công Minh đến học thầy Tăng Tử, ở nhà thầy ba năm mà không mấy đọc sách. Tăng Tử gặng hỏi, Minh Tuyên thưa rằng: “Thưa thầy, con vẫn học. Con thấy: thầy ở trong nhà, trước mặt thân, lúc nào cũng hiểu, hòa nhã, cho đến giống vật chó mèo thầy cũng không mắng bao giờ. Thầy ứng tiếp bạn bè cung kính ung dung, rất lễ độ, kẻ dở người hay, ai nấy đều thiếp phục. Thầy ở triều

đình, đối với kẻ dưới, bề ngoài rất là nghiêm trọng, mà trong bụng rất là nhân từ, không có ý hại ai bao giờ. Ba điều ấy, con lấy làm vui lòng, học mãi mà chưa được. Con đâu dám không học mà cứ ở cửa nhà thầy”

(<https://bom.so/zM2Kwy>)

a. Xác định nội dung/ thông điệp của văn bản và bức họa trên, từ đó tìm điểm tương đồng với chủ đề văn bản, lý giải cụ thể (8- 10 dòng)

b. Từ câu chuyện xúc động về thầy Chu Văn An với học trò ở trên, em hãy kể về một kỉ niệm với thầy cô giáo khiến em xúc động và ấn tượng sâu sắc (viết 1- 1,5 trang)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 6**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
D	C	C	B

Câu 1: Câu chuyện trên kể về?

- A. Nhân vật người anh hùng lịch sử.
- B. Biến cố lịch sử trọng đại của dân tộc.
- C. Những nhân vật tôn giáo.
- D. Danh nhân văn hóa của dân tộc.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

Câu chuyện trên kể về Danh nhân văn hóa của dân tộc - nhà giáo, thầy thuốc, quan viên Đại Việt cuối thời Trần, "danh nhân văn hóa thế giới"- Chu Văn An

→ Đáp án D

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là:

- A. Thầy Chu Văn An.

B. Hai anh em con vua Thủy.

C. Thầy Chu Văn An và hai anh em con vua Thủy.

D. Thầy Chu Văn An và học trò.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

Nhân vật chính trong truyện là Thầy Chu Văn An và hai anh em con vua Thủy
tên

→ Đáp án C

Câu 3: Sự việc nào dưới đây không thuộc văn bản Thầy Chu Văn An và học trò Thủy thân?

A. Nói với anh em chàng Gàn.

B. Dạy thái tử học.

C. Phạt trò rất nghiêm.

D. Chống gậy trở về.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Phương pháp loại trừ

Lời giải chi tiết:

Sự việc không thuộc văn bản: Thầy Chu Văn An phạt trò rất nghiêm

→ Đáp án C

Câu 4: Câu nói: Ta không thể chịu được bầy tên quyền thần dối vua hại nước chứng tỏ điều gì ở thầy Chu Văn An?

- A. Là người thẳng thắn, không chấp nhận sự dối trá
- B. Là người khảng khái, luôn lo nghĩ cho dân, cho nước
- C. Chỉ ưa những người thật thà
- D. Là người dám phản đối nhà vua

Phương pháp giải

Đọc kĩ và phân tích câu nói

Lời giải chi tiết

Câu nói chứng tỏ thầy là người khảng khái, luôn lo nghĩ cho dân, cho nước

→ Đáp án B

Câu 5: Sự việc sau đây giúp em hiểu như thế nào về người thầy Chu Văn An và người dân xưa trong đạo học? (1đ)

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò

Phương pháp giải:

Đọc kĩ sự việc

Nêu ý kiến bản thân

Lời giải chi tiết:

Thầy Chu Văn An là người thầy khảng khái, sự ảnh hưởng của thầy ngày càng sâu rộng trong dân chúng

- Người dân xưa rất coi trọng đạo học, dân chúng vô cùng tin tưởng vào phẩm chất, tài năng của thầy Chu Văn An

Câu 6: Câu chuyện về hai anh em nhà Gàn đã thể hiện mong muốn nào của thầy Chu Văn An về học trò nói chung (trả lời từ 6-8 dòng) (1 đ)

Phương pháp giải:

Chú ý những chi tiết nói về cách dạy học trò của thầy

Lời giải chi tiết:

- Học trò tôn kính thầy, trọng đạo học, luôn ý thức tầm sư học đạo

- Học trò dùng tài học của mình để giúp đời, giúp dân, giúp nước

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Xác định nội dung/ thông điệp của văn bản và bức họa trên, từ đó tìm điểm tương đồng với chủ đề văn bản, lý giải cụ thể (8- 10 dòng)

Phương pháp giải:

Hs cần đối chiếu văn bản, bức họa với chủ đề chung của văn bản, xác định mối quan hệ tương đồng và khác biệt

Lời giải chi tiết:

- Tham khảo gợi ý:
- + Văn bản: Ca ngợi tài đức của thầy giáo
- + Bức họa: Cảnh thầy đồ dạy học trò xưa

Như vậy, văn bản 1 có nhiều tương đồng với chủ đề văn bản đọc. Hs tự tìm dẫn chứng trong văn bản, giải thích rõ

b. Từ câu chuyện xúc động về thầy Chu Văn An với học trò ở trên, em hãy kể về một kỉ niệm với thầy cô giáo khiến em xúc động và ấn tượng sâu sắc (viết 1-1,5 trang)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Kể về một kỉ niệm sâu sắc với thầy cô giáo		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	- Dẫn dắt và giới thiệu về kỉ niệm - Nêu ấn tượng chung về kỉ niệm với thầy cô
Thân bài	2,5	1. Trình bày hoàn cảnh xảy ra câu chuyện - Thời gian - Không gian 2. Kể lại diễn biến câu chuyện

		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyện gì đã xảy ra? - Các sự việc nối tiếp nhau như thế nào? - Những ai tham gia vào câu chuyện? Thầy/ cô giáo đóng vai trò như thế nào trong câu chuyện <p>3. Kết quả câu chuyện</p> <p>4. Suy nghĩ/ cảm xúc của em với hành động, sự việc liên quan đến thầy/ cô</p>
Kết bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Ấn tượng sâu sắc của bản thân về kỉ niệm - Bài học từ câu chuyện liên quan đến thầy cô - Sự tác động của kỉ niệm với bản thân (nhận thức, hành động)
Yêu cầu khác	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Bài viết thể hiện rõ đặc trưng thể loại: kể chuyện - Sắp xếp các sự việc hợp lí - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố miêu tả, biểu cảm - Sử dụng từ ngữ phong phú, câu văn có sự liên kết

Đề 7**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

THẦY CHU VĂN AN VÀ HỌC TRÒ THỦY THẦN

Ngày ấy, vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang Liệt tên là Chu Văn An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về kinh giao cho trông nom trường Quốc Tử Giám và dạy Thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về.

Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước!

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người Kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh, hàng ngày cơm đùm com gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lột thường luồng ở nước rồi lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ để dạng chằm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc di chợ huyện đến cầu Bua tình cờ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:

- Đúng là hai anh em nhà Gàn thấy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?

Cụ đồ gật gù đáp:

-Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!

Năm ấy, vùng Thanh Đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém.

Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:

-Thầy muốn các con thương đến dân một chút.

Hai anh em là bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:

-Các con bắt tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ.

Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:

- Dạ, nhưng hiểm vì sông hồ đều có lệnh “phong bế” cả thì lấy đâu ra nước bây giờ.

Ông cụ khản khoản:

- Các con nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:

- Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tắm thơm nhuần trong một vùng vậ.

Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy mực và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vớt cả nghiên lẫn bút xuống nước, củi vãi cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ, suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh Đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ nấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân trong vùng Thanh Đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng trong lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc Hoàng nổi giận sai một thiên thần đi bắt cho được thủ phạm tội. Và cả hai anh em đều không thoát được khỏi lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưới búa của thần Sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, dạt vào gậm cầu Bư. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên trên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đầm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó

tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai anh em thường luồn sau đó người ta lập miếu thờ ngày nay còn có tên là miếu Gàn.

(Đồng Chi, Truyện cổ Việt Nam chọn lọc, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội, tr.284-287).

Câu hỏi

Câu 1: Xác định yếu tố kì ảo góp phần thể hiện tài năng, phẩm chất của thầy Chu Văn An

- A. Con vua Thủy biến hóa thành người, xin được theo học
- B. Anh trưởng tràng thấy hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ
- C. Hai anh em họ Gàn vẩy mực lên trời làm mưa
- D. Ngọc Hoàng sai thiên thần đi tìm con vua Thủy để trị tội

Câu 2: Việc con vua Thủy xin theo học thầy Chu thể hiện ý nghĩa gì?

- A. Các thần đều biết danh tiếng của thầy Chu Văn An
- B. Đề cao sự hiếu học, thần linh cũng ngưỡng mộ tài năng, đạo đức của thầy Chu
- C. Con vua Thủy Tề chưa từng được đi học
- D. Tinh thần hiếu học không phân biệt giữa thần và người trần

Câu 3: Câu: “Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!” thể hiện quan điểm dạy học nào của thầy Chu Văn An?

- A. Dựa trên sự công bằng, không phân biệt nguồn gốc, hoàn cảnh và sự ham học
- B. Chú trọng truyền dạy đạo thánh hiền
- C. Muốn dạy học cho các thân, không phân biệt xuất thân
- D. Đề cao sự ham học hỏi, thích học đạo lí

Câu 4: Vì sao thầy Chu lại nhờ hai anh em họ Gàn làm mưa giúp dân? Điều đó thể hiện tính cách gì của thầy?

- A. Vì không có ai giúp được, thầy hết lòng dạy dỗ đạo lý học trò
- B. Vì thầy tin tưởng con vua Thủy Tề, thầy thương dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn
- C. Vì thầy biết hai anh em có phép thuật làm mưa, thầy luôn quan tâm đến tình hình cuộc sống của người dân
- D. Vì thầy biết hai anh em là con vua Thủy Tề, thầy lo cho dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn

Câu 5: Đoạn kết thúc văn bản đã thể hiện sự đánh giá, thái độ gì của nhân dân ta (1đ)

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đằm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đằm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt

Câu 6: Câu chuyện về hai anh em nhà Gàn đã thể hiện mong muốn nào của thầy Chu Văn An về học trò nói chung (trả lời từ 6-8 dòng) (1 đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Đọc văn bản và bức họa sau:

Xưa Công Minh đến học thầy Tăng Tử, ở nhà thầy ba năm mà không mấy đọc sách. Tăng Tử gặng hỏi, Minh Tuyên thưa rằng: “Thưa thầy, con vẫn học. Con thấy: thầy ở trong nhà, trước mặt thân, lúc nào cũng hiếu, hòa nhã, cho đến giống vật chó mèo thầy cũng không mắng bao giờ. Thầy ứng tiếp bạn bè cung kính ung dung, rất lễ độ, kẻ dở người hay, ai nấy đều thiếp phục. Thầy ở triều đình, đối với kẻ dưới, bề ngoài rất là nghiêm trọng, mà trong bụng rất là nhân từ, không có ý hại ai bao giờ. Ba điều ấy, con lấy làm vui lòng, học mãi mà chưa được. Con đâu dám không học mà cứ ở cửa nhà thầy”

(<https://bom.so/zM2Kwy>)

- Xác định nội dung/ thông điệp của văn bản và bức họa trên, từ đó tìm điểm tương đồng với chủ đề văn bản, lý giải cụ thể (8- 10 dòng)
- Từ câu chuyện xúc động về thầy Chu Văn An với học trò ở trên, em hãy kể về một kỉ niệm với thầy cô giáo khiến em xúc động và ấn tượng sâu sắc (viết 1- 1,5 trang)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 7**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
A	B	A	B

Câu 1: Xác định yếu tố kì ảo góp phần thể hiện tài năng, phẩm chất của thầy Chu Văn An

- A. Con vua Thủy biến hóa thành người, xin được theo học
- B. Anh trưởng tràng thấy hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ
- C. Hai anh em họ Gàn vẩy mực lên trời làm mưa
- D. Ngọc Hoàng sai thiên thần đi tìm con vua Thủy để trị tội

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Nhớ lại kiến thức về yếu tố kì ảo

Lời giải chi tiết:

Yếu tố kì ảo góp phần thể hiện tài năng, phẩm chất của thầy: Con vua Thủy biến hóa thành người, xin được theo học

→ Đáp án A

Câu 2: Việc con vua Thủy xin theo học thầy Chu thể hiện ý nghĩa gì?

- A. Các thần đều biết danh tiếng của thầy Chu Văn An
- B. Đề cao sự hiếu học, thần linh cũng ngưỡng mộ tài năng, đạo đức của thầy Chu
- C. Con vua Thủy Tề chưa từng được đi học
- D. Tinh thần hiếu học không phân biệt giữa thần và người trần

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản và phân tích ý nghĩa của chi tiết

Lời giải chi tiết:

Ý nghĩa: Đề cao sự hiếu học, thần linh cũng ngưỡng mộ tài năng, đạo đức của thầy Chu

→ Đáp án B

Câu 3: Câu: “Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!” thể hiện quan điểm dạy học nào của thầy Chu Văn An?

- A. Dựa trên sự công bằng, không phân biệt nguồn gốc, hoàn cảnh và sự ham học
- B. Chú trọng truyền dạy đạo thánh hiền
- C. Muốn dạy học cho các thần, không phân biệt xuất thân
- D. Đề cao sự ham học hỏi, thích học đạo lí

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu nói và phân tích quan điểm

Lời giải chi tiết:

Câu trên thể hiện quan điểm: Công bằng, không phân biệt nguồn gốc, hoàn cảnh và sự ham học

→ Đáp án A

Câu 4: Vì sao thầy Chu lại nhờ hai anh em họ Gàn làm mưa giúp dân? Điều đó thể hiện tính cách gì của thầy?

- A. Vì không có ai giúp được, thầy hết lòng dạy dỗ đạo lý học trò
- B. Vì thầy tin tưởng con vua Thủy Tề, thầy thương dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn
- C. Vì thầy biết hai anh em có phép thuật làm mưa, thầy luôn quan tâm đến tình hình cuộc sống của người dân
- D. Vì thầy biết hai anh em là con vua Thủy Tề, thầy lo cho dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn

Phương pháp giải

Đọc kỹ văn bản

Phân tích tính cách của thầy

Lời giải chi tiết

Vì thầy tin tưởng con vua Thủy Tề, thầy thương dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn

→ Đáp án B

Câu 5: Đoạn kết thúc văn bản đã thể hiện sự đánh giá, thái độ gì của nhân dân ta (1đ)

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đầm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn kết và phân tích

Lời giải chi tiết:

Đoạn kết thúc văn bản thể hiện sự đánh giá, thái độ của nhân dân ta về người thầy và đạo học. Qua đó, họ đánh giá cao, tôn vinh vai trò và người thầy, đạo học đối với xã hội. Chứng tỏ đạo học ảnh hưởng đến cuộc sống của dân chúng, của tương lai đất nước, dân tộc. Người thầy đức cao, tài rộng luôn được tôn trọng ở mọi thời đại.

Câu 6: Câu chuyện về hai anh em nhà Gàn đã thể hiện mong muốn nào của thầy Chu Văn An về học trò nói chung (trả lời từ 6-8 dòng) (1 đ)

Phương pháp giải:

Chú ý những chi tiết nói về cách dạy học trò của thầy

Lời giải chi tiết:

- Học trò tôn kính thầy, trọng đạo học, luôn ý thức tâm sự học đạo
- Học trò dùng tài học của mình để giúp đời, giúp dân, giúp nước

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Xác định nội dung/ thông điệp của văn bản và bức họa trên, từ đó tìm điểm tương đồng với chủ đề văn bản, lý giải cụ thể (8- 10 dòng)

Phương pháp giải:

Hs cần đối chiếu văn bản, bức họa với chủ đề chung của văn bản, xác định mối quan hệ tương đồng và khác biệt

Lời giải chi tiết:

- Tham khảo gợi ý:

+ Văn bản: Ca ngợi tài đức của thầy giáo

+ Bức họa: Cảnh thầy đồ dạy học trò xưa

Như vậy, văn bản 1 có nhiều tương đồng với chủ đề văn bản đọc. Hs tự tìm dẫn chứng trong văn bản, giải thích rõ

b. Từ câu chuyện xúc động về thầy Chu Văn An với học trò ở trên, em hãy kể về một kỉ niệm với thầy cô giáo khiến em xúc động và ấn tượng sâu sắc (viết 1- 1,5 trang)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Kể về một kỉ niệm sâu sắc với thầy cô giáo		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể

Mở bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt và giới thiệu về kỉ niệm - Nêu ấn tượng chung về kỉ niệm với thầy cô
Thân bài	2,5	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày hoàn cảnh xảy ra câu chuyện <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian - Không gian 2. Kể lại diễn biến câu chuyện <ul style="list-style-type: none"> - Chuyện gì đã xảy ra? - Các sự việc nối tiếp nhau như thế nào? - Những ai tham gia vào câu chuyện? Thầy/ cô giáo đóng vai trò như thế nào trong câu chuyện 3. Kết quả câu chuyện 4. Suy nghĩ/ cảm xúc của em với hành động, sự việc liên quan đến thầy/ cô
Kết bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Ấn tượng sâu sắc của bản thân về kỉ niệm - Bài học từ câu chuyện liên quan đến thầy cô - Sự tác động của kỉ niệm với bản thân (nhận thức, hành động)
Yêu cầu khác	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Bài viết thể hiện rõ đặc trưng thể loại: kể chuyện - Sắp xếp các sự việc hợp lí

		<ul style="list-style-type: none">- Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố miêu tả, biểu cảm- Sử dụng từ ngữ phong phú, câu văn có sự liên kết
--	--	---

Loigiaihay.com

Đề 8**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

TỪ NHỮNG DẤU CHÂN NGƯỜI

(Đinh Nam Khương)

Tháng mười khi lúa gặt xong

Còn tro chân rạ với đồng – Đồng ơi!

Lúa đi để lại tháng mười

Và cơn gió thổi rỗng trời ở trên!...

Trời cao – Bỗng vút cao thêm

Bâng khuâng!... Vì hăng chân đêm mất rồi

Gặt rồi – còn gốc ra thôi

Và bao nhiêu dấu chân người mới nguyên

Giữa đồng tôi đứng lặng yên

Chân tôi chân rạ sát liền bên nhau

Nghe trong những vũng chân trâu

Tiếng chân con nhái đập màu đất non

Biết rằng sự sống mãi còn

Bánh chưng vuông, bánh dày tròn là đây

Cho dù bão tốc chân mây

Cũng không tốc nổi đường cày của tôi

Dù cho lửa đốt chân trời

Cũng không cháy được tháng mười tháng năm

Tay tôi còn bòn còn chằm

Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

Ngày mai từ dấu chân người

Màu xanh lên!... Vói chân trời... mở ra!...

Câu hỏi

Câu 1: Dòng nào nói lên đề tài và thể thơ của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Quê hương; Ca dao.
- B. Người nông dân; Thể thơ lục bát.
- C. Đồng ruộng; Thể thơ tự do.
- D. Niềm tin vào cuộc sống; Thể thơ lục bát.

Câu 2: Dòng nào nói lên đặc điểm của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- B. Cặp câu 6-8; gieo vần lưng, ngắt nhịp lẻ, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

C. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh bằng.

D. Cặp câu 6-8; gieo vần cách, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

Câu 3: Dòng nào KHÔNG nói lên căn cứ để xác định đề tài của tác phẩm Từ những dấu chân người?

A. Vững chân trâu; tiếng chân con nhái đập màu đất non.

B. Tháng mười tháng năm.

C. Dấu chân, cánh đồng mùa gặt.

D. Chân, đồng.

Câu 4: Đối tượng trữ tình của tác phẩm là:

A. Tiếng chân con nhái đập màu đất non

B. Vững chân trâu

C. Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong

D. Sự sống mãi còn

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

- a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên
- b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm

Đáp án đề 8**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
B	A	B	C

Câu 1: Dòng nào nói lên đề tài và thể thơ của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Quê hương; Ca dao.
- B. Người nông dân; Thể thơ lục bát.
- C. Đồng ruộng; Thể thơ tự do.
- D. Niềm tin vào cuộc sống; Thể thơ lục bát.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Nhớ lại kiến thức (dấu hiệu nhận biết) về thể thơ

Lời giải chi tiết:

Đề tài: Người nông dân, thể thơ: Lục bát

→ Đáp án B

Câu 2: Dòng nào nói lên đặc điểm của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- B. Cặp câu 6-8; gieo vần lưng, ngắt nhịp lẻ, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- C. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh bằng.
- D. Cặp câu 6-8; gieo vần cách, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, chú ý những đặc điểm hình thức của văn bản thơ

Lời giải chi tiết:

Đặc điểm của văn bản: Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

→ Đáp án A

Câu 3: Dòng nào KHÔNG nói lên căn cứ để xác định đề tài của tác phẩm Từ những dấu chân người?

- A. Vững chân trâu; tiếng chân con nhái đập màu đất non.
- B. Tháng mười tháng năm.
- C. Dấu chân, cánh đồng mùa gặt.
- D. Chân, đồng.

Phương pháp giải:

Nhớ lại kiến thức về đề tài

Lời giải chi tiết:

Dòng không nói lên căn cứ để xác định đề tài: Tháng mười tháng năm. (đây chỉ đơn thuần là những câu từ chỉ thời gian)

→ Đáp án B

Câu 4: Đối tượng trữ tình của tác phẩm là:

- A. Tiếng chân con nhái đập màu đất non
- B. Vũng chân trâu
- C. Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong
- D. Sự sống mãi còn

Phương pháp giải

Đọc kỹ văn bản

Chú ý những chi tiết nổi bật

Lời giải chi tiết

Đối tượng trữ tình của văn bản là Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong

→ Đáp án C

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý những phẩm chất đáng quý được đề cập

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

- Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài lao động; kiên cường, nhẫn nại đối mặt với khó khăn; tin, yêu cuộc sống của mình

- Học sinh tự chọn được câu thơ thể hiện rõ phẩm chất của người lao động và phân tích câu thơ đó (gọi tên biện pháp nghệ thuật, phân tích hiệu quả thẩm mỹ...)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

Phương pháp giải:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- HS xác định, tự lí giải theo cách hiểu và lựa chọn của cá nhân (có thể là phẩm chất mình đã sẵn có nay cần hiểu bồi đắp thêm, hoặc phẩm chất mình chưa có cần rèn luyện, bổ xung)

- Xác định phẩm chất cần bám sát văn bản; lí giải cần hợp lí, logic và phù hợp với văn hóa dân tộc...

- Diễn đạt: rõ ý, biết liên kết câu

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên

Phương pháp giải:

HS tự trả lời theo nhận thức của cá nhân

Lời giải chi tiết:

- Tham khảo gợi ý:

+ Bức tranh 1: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

+ Bức tranh 2: Tay tôi còn bòn còn chằm/ Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Phương pháp giải

Đọc kĩ văn bản và quan sát kĩ bức ảnh

Lời giải chi tiết

+ Bức ảnh 1: Hình ảnh người cày ruộng dưới mưa tương đồng với nội dung câu thơ: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

→ Thời tiết khắc nghiệt không ngăn cản được khát vọng của con người

+ Bức ảnh 2: hình ảnh mùa gặt – mùa vàng tương đồng với nội dung câu thơ (còn có tháng năm tháng mười)

→ Có công sức con người là có mùa gặt, có thu hoạch

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương	
Yêu cầu cần đạt	Điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng hình thức bài văn - Dùng từ hợp lý, diễn đạt rõ ý - Chữ sạch sẽ, rõ ràng 	0,5
<p>Nội dung hướng vào cảm xúc về sự sống, niềm tin của nhân vật trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ về sự sống từ những “dấu chân” <p>→ Chọn dẫn chứng phù hợp với nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày theo trình tự hợp lí 	2
<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị của đoạn thơ và sự tác động của đoạn thơ tới nhận thức, cảm xúc của mình 	0,75
<p>Khuyến khích sáng tạo hợp lí trong góc nhìn; cách cảm nhận, hình thức bộc lộ cảm xúc...</p>	0,75

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Đề 9**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

TỪ NHỮNG DẤU CHÂN NGƯỜI

(Đinh Nam Khương)

Tháng mười khi lúa gặt xong

Còn tro chân rạ với đồng – Đồng ơi!

Lúa đi để lại tháng mười

Và cơn gió thổi rỗng trời ở trên!...

Trời cao – Bỗng vút cao thêm

Bâng khuâng!... Vì hăng chân đêm mất rồi

Gặt rồi – còn gốc ra thôi

Và bao nhiêu dấu chân người mới nguyên

Giữa đồng tôi đứng lặng yên

Chân tôi chân rạ sát liền bên nhau

Nghe trong những vũng chân trâu

Tiếng chân con nhái đập màu đất non

Biết rằng sự sống mãi còn

Bánh chưng vuông, bánh dày tròn là đây

Cho dù bão tốc chân mây

Cũng không tốc nổi đường cày của tôi

Dù cho lửa đốt chân trời

Cũng không cháy được tháng mười tháng năm

Tay tôi còn bòn còn chăm

Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

Ngày mai từ dấu chân người

Màu xanh lên!... Vói chân trời... mở ra!...

Câu hỏi

Câu 1: Nhân vật trữ tình của tác phẩm là?

- A. Người con xa quê
- B. Người trí thức nghĩ về nông dân
- C. Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình
- D. Người yêu làng quê đang ngắm nhìn cánh đồng mùa gặt

Câu 2: Nhân vật trữ tình “bâng khuâng” trước những âm thanh, hình ảnh nào?

- A. Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non
- B. Bánh chưng vuông, bánh dày tròn

C. Gió thổi; trời cao

D. Đường cày; màu xanh

Câu 3: Tác giả sử dụng phép tu từ/ nghệ thuật ẩn dụ trong dòng thơ nào sau đây?

A. Và cơn gió thổi bỗng trời ở trên!...

B. Trời cao – Bỗng vút cao thêm

C. Bâng khuâng!... Vì hằng chân đêm mất rồi

D. Gặt rồi – còn gốc rạ thôi

Câu 4: Tác giả sử dụng phép tu từ nào ở dòng thơ Còn trơ chân rạ với đồng – Đồng ơi!?

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

- a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên
- b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 9**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	A	C	C

Câu 1: Nhân vật trữ tình của tác phẩm là?

- A. Người con xa quê
- B. Người trí thức nghĩ về nông dân
- C. Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình
- D. Người yêu làng quê đang ngắm nhìn cánh đồng mùa gặt

Phương pháp giải:

Đọc kỹ tác phẩm

Lời giải chi tiết:

Nhân vật trữ tình của tác phẩm là Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình

→ Đáp án C

Câu 2: Nhân vật trữ tình “bâng khuâng” trước những âm thanh, hình ảnh nào?

- A. Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non

B. Bánh chưng vuông, bánh dày tròn

C. Gió thổi; trời cao

D. Đường cày; màu xanh

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý những hình ảnh khiến nhân vật trữ tình cảm thấy “bâng khuâng”

Lời giải chi tiết:

Những hình ảnh khiến nhân vật trữ tình cảm thấy “bâng khuâng”: Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non

→ Đáp án A

Câu 3: Tác giả sử dụng phép tu từ/ nghệ thuật ẩn dụ trong dòng thơ nào sau đây?

A. Và cơn gió thổi bỗng trời ở trên!...

B. Trời cao – Bỗng vút cao thêm

C. Bâng khuâng!... Vì hăng chân đêm mất rồi

D. Gặt rồi – còn gốc rạ thôi

Phương pháp giải:

Nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Tác giả sử dụng biện pháp ẩn dụ trong dòng thơ Bâng khuâng!... Vì hững hờ chân
đêm mất rồi

→ Đáp án C

Câu 4: Tác giả sử dụng phép tu từ nào ở dòng thơ Còn trơ chân rạ với đồng –
Đồng ơi!?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Phương pháp giải

Nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết

Câu thơ trên sử dụng biện pháp nhân hóa: gọi cánh đồng như với con người:
“Đồng ơi!”

→ Đáp án C

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng
quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm
chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý những phẩm chất đáng quý được đề cập

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

- Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài lao động; kiên cường, nhẫn nại đối mặt với khó khăn; tin, yêu cuộc sống của mình

- Học sinh tự chọn được câu thơ thể hiện rõ phẩm chất của người lao động và phân tích câu thơ đó (gọi tên biện pháp nghệ thuật, phân tích hiệu quả thẩm mỹ...)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

Phương pháp giải:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- HS xác định, tự lí giải theo cách hiểu và lựa chọn của cá nhân (có thể là phẩm chất mình đã sẵn có nay cần hiểu bồi đắp thêm, hoặc phẩm chất mình chưa có cần rèn luyện, bổ xung)

- Xác định phẩm chất cần bám sát văn bản; lí giải cần hợp lí, logic và phù hợp với văn hóa dân tộc...

- Diễn đạt: rõ ý, biết liên kết câu

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên

Phương pháp giải:

HS tự trả lời theo nhận thức của cá nhân

Lời giải chi tiết:

- Tham khảo gợi ý:

+ Bức tranh 1: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

+ Bức tranh 2: Tay tôi còn bòn còn chằm/ Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Phương pháp giải

Đọc kỹ văn bản và quan sát kỹ bức ảnh

Lời giải chi tiết

+ Bức ảnh 1: Hình ảnh người cày ruộng dưới mưa tương đồng với nội dung câu thơ: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

→ Thời tiết khắc nghiệt không ngăn cản được khát vọng của con người

+ Bức ảnh 2: hình ảnh mùa gặt – mùa vàng tương đồng với nội dung câu thơ (còn có tháng năm tháng mười)

→ Có công sức con người là có mùa gặt, có thu hoạch

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương	
Yêu cầu cần đạt	Điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng hình thức bài văn - Dùng từ hợp lý, diễn đạt rõ ý - Chữ sạch sẽ, rõ ràng 	0,5
<p>Nội dung hướng vào cảm xúc về sự sống, niềm tin của nhân vật trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ về sự sống từ những “dấu chân” <p>→ Chọn dẫn chứng phù hợp với nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày theo trình tự hợp lí 	2
<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị của đoạn thơ và sự tác động của đoạn thơ tới nhận thức, cảm xúc của mình 	0,75
<p>Khuyến khích sáng tạo hợp lí trong góc nhìn; cách cảm nhận, hình thức bộc lộ cảm xúc...</p>	0,75

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Đề 10

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

QUÊ HƯƠNG

(Nguyễn Đình Huân)

Quê hương là một tiếng ve

Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

Dòng sông con nước đầy vơi

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

Quê hương ngày ấy như mơ

Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu

Quê hương là tiếng sáo diều

Là cánh cò trắng chiều chiều chân đê

Quê hương là phiên chợ quê

Chợ trưa mong mẹ mang về bánh đa

Quê hương là một tiếng gà

Bình minh gáy sáng ngân nga xóm làng

Quê hương là cánh đồng vàng

Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều

Quê hương là dáng mẹ yêu

Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về

[...]

Quê hương là những cơn mưa

Quê hương là những hàng dừa ven kinh

Quê hương mang nặng nghĩa tình

Chôn rau cắt rốn người ơi nhớ về.

(<https://by.com.vn/xzpOX>)

Câu hỏi

Câu 1: Đáp án nào nói lên đề tài của văn bản Quê hương?

- A. Dòng sông.
- B. Mẹ.
- C. Quê hương
- D. Góc trời tuổi thơ.

Câu 2: Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? Những căn cứ nào giúp em xác nhận điều đó?

- A. Thể thơ lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

B. Thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

C. Thể thơ tự do xen lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

D. Thể thơ lục bát biến thể, gieo vần liền và ngắt nhịp chẵn, lẻ.

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong văn bản Quê hương là người:

A. Nhớ, yêu tha thiết quê hương.

B. Buồn vì đã xa quê.

C. Không biết quê hương đã đổi thay thế nào.

D. Trở về quê cũ trong tâm trạng buồn thương.

Câu 4: Văn bản Quê hương dùng cách gieo vần nào sau đây?

A. Vần cách

B. Vần chân

C. Vần lưng

D. Vần liền

Câu 5: Những hình ảnh, câu thơ nào trong văn bản trên cho biết tác giả đang nhớ về quê hương tuổi thơ của mình? Có hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương của mình không?(1đ)

Câu 6: Em thích hình ảnh quê hương trong bài thơ trên ở thời điểm nào (bình minh, trưa hè, chiều về)? Hãy viết/ vẽ về khung cảnh đó theo ý thích của em (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Đọc hai đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

Đoạn văn bản 1:	Đoạn văn bản 2:
<p>Lục bát là thể thơ dân tộc mang đậm bản sắc và phong vị quê hương. Thơ lục bát rất dễ thuộc và dễ nhớ vì lời thơ giản dị, mộc mạc, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường. Câu thơ đọc lên mà cứ ngỡ là câu hát hay một bản nhạc, vừa có vần vừa có điệu nghe rất thanh thoát và êm tai. Có nhiều câu lục bát đã đi vào lòng người như một lời ru...</p> <p>(https://bom.so/Vqam0q)</p>	<p>Thơ lục bát đã kế thừa được mạch nguồn của thể thơ truyền thống. Những câu thơ dù là tả cảnh hay tả tình đều nhẹ nhàng, cùng lối ví von, so sánh, ẩn dụ tinh tế nên có sức truyền cảm và gửi gắm những bài học sâu sắc, thế giới tuổi thơ được tái hiện thật dung dị và trong sáng. Trong thơ có âm thanh, nhạc điệu, sắc màu của sự sống, dễ hiểu và dễ cảm</p> <p>(nhóm tác giả sưu tầm và biên soạn)</p>

- Xác định điểm tương đồng và điểm riêng biệt của từng văn bản trên
- Hãy chọn nhận định phù hợp nhất với bài thơ Quê hương của Nguyễn Đình Huân

Câu 2: Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4-6 câu thơ lục bát mà em thích nhất trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lý 1 nhận định (ở 1 đoạn văn bản trong câu hỏi 1) vào bài viết của mình (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 10**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	B	A	B

Câu 1: Đáp án nào nói lên đề tài của văn bản Quê hương?

A. Dòng sông.

B. Mẹ.

C. Quê hương

D. Góc trời tuổi thơ.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý tiêu đề văn bản

Lời giải chi tiết:

Đề tài của văn bản: Quê hương

→ Đáp án C

Câu 2: Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? Những căn cứ nào giúp em xác nhận điều đó?

- A. Thể thơ lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- B. Thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- C. Thể thơ tự do xen lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- D. Thể thơ lục bát biến thể, gieo vần liền và ngắt nhịp chẵn, lẻ.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Nhớ lại kiến thức về thể thơ

Lời giải chi tiết:

Bài thơ thuộc thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

→ Đáp án B

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong văn bản Quê hương là người:

- A. Nhớ, yêu tha thiết quê hương.
- B. Buồn vì đã xa quê.
- C. Không biết quê hương đã đổi thay thế nào.
- D. Trở về quê cũ trong tâm trạng buồn thương.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Chú ý những chi tiết tác giả nói về quê hương

Lời giải chi tiết:

Bao trùm toàn bài là nỗi niềm nhớ, yêu tha thiết quê hương của tác giả

→ Đáp án A

Câu 4: Văn bản Quê hương dùng cách gieo vần nào sau đây?

A. Vần cách

B. Vần chân

C. Vần lưng

D. Vần liền

Phương pháp giải

Nhớ lại kiến thức phần gieo vần

Lời giải chi tiết

Bài thơ được gieo vần chân:

Lời ru của mẹ trưa hè à **ơ**

Dòng sông con nước đầy **ơi**

Quê hương là một góc trời tuổi **thơ**

Quê hương ngày ấy như **mơ**

→ Đáp án B

Câu 5: Những hình ảnh, câu thơ nào trong văn bản trên cho biết tác giả đang nhớ về quê hương tuổi thơ của mình? Có hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương của mình không?(1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Chú ý những hình ảnh cho thấy nỗi nhớ của tác giả

Lời giải chi tiết:

- Nhớ về quê hương tuổi thơ:

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

Quê hương ngày ấy như mơ

Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu

- Hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương: Học sinh tự làm (gợi ý: lấy các hình ảnh thơ làm điểm tựa, từ đó đối chiếu với cảnh sắc, con người ở quê mình để xác định câu thơ gợi nhắc quê hương mình)

Câu 6: Em thích hình ảnh quê hương trong bài thơ trên ở thời điểm nào (bình minh, trưa hè, chiều về)? Hãy viết/ vẽ về khung cảnh đó theo ý thích của em (1đ)

Phương pháp giải:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- HS tự trả lời theo sở thích cá nhân

- Tham khảo gợi ý:

+ Chọn thời điểm mà em hay thích ngắm cảnh

+ Chọn câu thơ tương ứng

+ Nói rõ lí do mình lựa chọn (2 lí do: câu thơ gợi hình ảnh, sự tác động tới cảm xúc cá nhân từ hình ảnh đó, tình cảm của tác giả...)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Xác định điểm tương đồng và điểm riêng biệt của từng văn bản trên

Phương pháp giải:

Đọc kĩ hai văn bản

Lời giải chi tiết:

- Điểm chung: Cùng viết về vẻ đẹp, sức hấp dẫn của thể thơ lục bát

- Điểm riêng:

+ Đoạn văn bản 1: Viết về ngôn ngữ và âm điệu (nhịp vần) của thơ lục bát

+ Đoạn văn bản 2: Viết về vẻ đẹp tinh tế, sâu sắc của thơ lục bát (nghệ thuật, bài học) phù hợp với tuổi thơ

b. Hãy chọn nhận định phù hợp nhất với bài thơ Quê hương của Nguyễn Đình Huân

Phương pháp giải

Hs lựa chọn theo nhận thức của cá nhân

Lời giải chi tiết

- Gợi ý tham khảo:

+ “... dù là tả cảnh hay tả tình đều nhẹ nhàng, cùng lối ví von, so sánh, ẩn dụ tinh tế nên có sức truyền cảm... thể giới tuổi thơ được tái hiện thật dung dị và trong sáng”

+ “... rất dễ thuộc và dễ nhớ vì lời thơ giản dị, mộc mạc, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 2: Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4-6 câu thơ lục bát mà em thích nhất trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lý 1 nhận định (ở 1 đoạn văn bản trong câu hỏi 1) vào bài viết của mình (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4- 6 câu thơ lục bát (mà em thích nhất) trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lí một nhận định	
Yêu cầu cần đạt	Điểm
- HS lựa chọn được đoạn thơ về mẹ/ quê hương	0,5
- Trình bày đúng hình thức đoạn văn	
- Dùng từ hợp lý, diễn đạt rõ ý; chữ sạch sẽ, rõ ràng	
Nội dung chính hướng vào:	2

- Cảm nghĩ về nội dung/ hình thức (quê hương qua âm thanh, hình ảnh; cách gieo vần, nhịp) của đoạn thơ	
- Cảm nghĩ về tình cảm của nhân vật trữ tình dành cho mẹ/ quê hương	
- Trình bày theo trình tự hợp lí	
Đánh giá giá trị của đoạn thơ và sự tác động của đoạn thơ tới tâm hồn mình	0,75
Khuyến khích sáng tạo hợp lí của học sinh	0,75

Loigiaihay.com